

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/HS-ST**

Ngày 14-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Văn Năng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cường** và Ông **Nguyễn Thành Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn M Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLHS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Huỳnh Quốc M, sinh năm 1984 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp Kinh Xáng 30, xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1961 và bà Lâm Thị N (chết); Vợ là Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1994 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam T ngày 01/1/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

NCT: ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K

Người có quyền lợi, N vụ liên quan: Ông **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1957 (vắng mặt)

NCT: Số 677 Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 20 tháng 5 năm 2010, Huỳnh Quốc M đến nhà bà Trần Thị H ở ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K để mượn xe của Trịnh Đình N để đi công việc. Khoảng 30 phút sau M quay lại và để xe của N trước sân nhà bà H. Lúc này, M quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số đăng ký 68V6-9659 của bà H đang đậu trước sân, chìa khoá vẫn còn cắm sẵn trên xe nên M nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. M đi đến nơi chiếc xe đang đậu, lén lút lấy trộm chiếc xe trên. M điều khiển xe đi đến khu vực phường Rạch Sỏi gặp bạn gái tên T và dùng xe trên chở T (không rõ họ tên địa chỉ) đi về hướng thành phố Hồ Chí Minh (M nói với T xe mô tô trên là do M mượn, T hoàn toàn không biết chiếc xe trên là do M lấy trộm). Khi đi đến thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, M đi đến tiệm cầm đồ "Nga" tại Khóm 6, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Thanh Đ làm chủ sở hữu và cầm chiếc xe này cho ông Đ. Do không biết chiếc xe trên là do M trộm cắp mà có nên ông Đ đồng ý cầm và trả cho M 8000.000 đồng. Số tiền cầm xe M tiêu xài cá nhân hết và bỏ trốn cho đến ngày 01/10/2024 M đến Công an phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đầu thú và thừa nhận hành vi trộm cắp của M.

Tại bản Thông báo kết quả định giá tài sản số: 24/TB-GĐ ngày 10/6/2010 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu SUPER DREAM BKS 68V -9659, màu nâu, số máy HA08E1307981, số khung RLHHA0801AY007935 đã qua sử dụng có giá là 17.100.000 đồng

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-CT ngày 02/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Huỳnh Quốc M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như trên và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Huỳnh Quốc M 04 (bốn) tháng 13 (mười ba) ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam.**

Đề nghị trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Quốc M khai nhận: Vào khoảng 09 giờ, ngày 20/5/2010 bị cáo đi đến nhà bà Trần Thị H trú tại ấp Sua Đũa, xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để trả xe cho anh Trịnh Đình N. Tại đây bị cáo nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda, màu nâu, biển số đăng ký 68V6-9659 của chị H đang đậu trước nhà, trên xe có để sẵn chìa khoá. Quan sát thấy không người quản lý bị cáo liền lén lút lấy trộm chiếc xe trên đem lên thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cầm cho ông Nguyễn Thành Đ được 8.000.000 đồng, số tiền này bị cáo lấy tiêu xài cá nhân.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. T đó cho thấy Cáo trạng của VKS nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo với tội danh “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đủ năng lực nhận thức rõ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý trách nhiệm hình sự nhưng vì tham lam nên khi phát hiện chiếc xe mô tô của bà H đậu trước sân nhà không người trông giữ bị cáo liền lấy cắp, đem cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân làm

cho họ không an tâm lao động công tác sản xuất nên hành vi phạm tội của bị cáo phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

4.1 Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

4.2 Xét về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn nhưng nhận thấy hành vi của bị cáo là sai phạm nên đã đến Công an để đầu thú và đã khắc phục hậu quả do hành vi sai phạm của bị cáo gây ra; tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo đủ điều kiện để được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

6.1 Do chiếc xe bị mất trộm bị hại bà Trần Thị H đã được nhận lại và do bà H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

6.2 Người có quyền lợi N vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Đ đã nhận lại đủ số tiền 8.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra cầm xe bị cáo, đồng thời ông Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đã được xử lý xong nên HĐXX không xem xét.

[8] Về những vấn đề khác:

8.1 Đối với hành vi cầm xe của ông Đ do ông Đ không biết chiếc xe bị cáo đem cầm là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét khởi tố đối với ông Đ là phù hợp và đúng quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

8.2 Đối với người phụ nữ tên T thì theo lời khai của bị cáo thì T hoàn toàn không biết việc bị cáo lấy trộm xe, đồng thời hiện tại không xác định được nhân thân lai lịch của T nên không thể xem xét được trong vụ án này. Do đó đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác M làm rõ nếu có căn cứ phạm tội sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có N vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Quốc M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Huỳnh Quốc M 04** (bốn) tháng **13** (mười ba) ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam (T ngày 01/10/2024 cho đến ngày 14/02/2025).

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Huỳnh Quốc M tại phiên tòa.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Huỳnh Quốc M phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể T ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể T ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại và NLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Cao Văn Năng